TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-10-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Huỳnh Thị Lượng;
Ông Huỳnh Văn Diên.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa*: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 98/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, về việc: L hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-8-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17-9-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Tổ 16, ấp H, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Tổ 2, ấp V2, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ 7, ấp 4, xã Vĩnh Tân, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-5-2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Chúc L tự nguyện tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý nên tiến hành tổ chức lễ cưới, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 129/KHHBT, quyển số 01/2012 vào ngày 22-10-2012.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bà L không muốn sống ở gia đình ông Th mà

muốn về quê bà L nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; ông Th và bà L đã sống L thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống L thân với nhau không ai quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Ông Th nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông Th yêu cầu L hôn với bà L.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Trần Văn Th;

- Đơn xin xác nhận tạm trú của bà Nguyễn Thị Chúc L;

- Bản chính giấy chứng nhận kết hôn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Chúc L được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Theo biên bản xác minh ngày 04-7-2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương xác nhận "Ủy ban xã T không nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp về hôn nhân giữa ông Th và bà L; ông Th và bà L cũng không yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải khi có mâu thuẫn xảy ra vì vậy không xác định được ông bà có mâu thuẫn như thế nào trong đời sống hôn nhân".

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

Về nội dung: Ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Chúc L tự nguyện tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý nên tiến hành tổ chức lễ cưới, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 129/KHHBT, quyển số 01/2012 vào ngày 22-10-2012. Ông Trần Văn Th yêu cầu L hôn vì giữa ông Th và bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể sống chung. Hiện nay, ông Th và bà L đã sống L thân với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Về con chung: Không có; về tài sản chung, nợ chung ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Trần Văn Th có đơn khởi kiện yêu cầu L hôn với bà Nguyễn Thị Chúc L nên đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà Nguyễn Thị Chúc L có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Tổ 7, ấp 4,

xã Vĩnh Tân, thị xã TU, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Chúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 08-8-2019 và ngày 23-8-2019 nhưng bà L vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Chúc L tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 17-9-2019 nhưng bà L vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập bà L tham gia phiên tòa vào ngày 04-10-2019 nhưng bà L vắng mặt không có lý do là bà L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Chúc L là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 129/KHHBT, quyển số 01/2012 vào ngày 22-10-2012, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay ông Th và bà L không còn chung sống với nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết L hôn. Bà Nguyễn Thị Chúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy bà L hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình. Xét, mâu thuẫn giữa ông Th và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Trần Văn Th yêu cầu L hôn với bà Nguyễn Thị Chúc L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu L hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho L hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[4] Về con chung: Không có con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Th về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị Chúc L như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Th được ly hôn với bà Nguyễn Thị Chúc L.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0036888, ngày 10-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn Th có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Chúc L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THA Dân sự thị xã TU;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Võ Thành Hiệp